TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2024/QĐH-HNGĐ ngày 23/8/2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1996

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương ; địa chỉ hiện nay : Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án : Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990 ; địa chỉ : Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương ; địa chỉ hiện nay : Đài Loan.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan : Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương

(Chị H, bà L, chị C có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/01/2016 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã, thi thoảng chị đưa con về nhà ngoại sinh sống một thời gian. Đến năm 2019, anh T đi lao động tại Đài Loan, chị ở nhà chăm sóc con, năm 2021 chị đi Đài Loan lao động, năm 2022

anh T về nước do bố đẻ anh T mất, đầu năm 2024 anh T tiếp tục sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không sống cùng, anh T thường có những lời lẽ xúc phạm, nghi ngờ dẫn đến vợ chồng thường cãi vã. Đến nay, chị xác định vợ chồng ly thân thời gian dài, không liên lạc, không quan tâm, vợ chồng không còn tin nhau; tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan, chị về phép một thời gian để thăm nom, chăm sóc hai con; chị và anh T không ở chung nên chị không cung cấp địa chỉ của anh T tại Đài Loan cho Tòa án được.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019; từ khi anh chị đi lao động tại Đài Loan hai cháu đều sống cùng ông bà ngoại. Năm 2022, anh T về nước, anh T đón hai con về nhà nội, đến khi anh T tiếp tục sang Đài Loan, anh T đã gửi lại hai con cho ông bà ngoại chăm sóc. Đến nay chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con; trong quá trình chị đi lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương thay chị chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, chị không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Do nguyên đơn chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh T, với mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị T1, bà T1 xác định về điều kiện kết hôn giữa anh T và chị H như chị H trình bày là đúng. Anh T thường xuyên liên lạc về gia đình, anh T xác định giữa anh T và chị H có mâu thuẫn, cãi vã và ly thân thời gian dài, nay chị H xin ly hôn anh T cũng nhất trí. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết.

Hiện anh T không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019, hiện hai cháu đang do bố mẹ đẻ của chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, thi thoảng bà đón cháu về chơi một thời gian. Anh T hiện không có nhà không thể trực tiếp nuôi con hơn nữa, bà bận chăm sóc một người con bị bệnh, hai cháu là con gái nên anh T và gia đình nhất trí giao hai cháu cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T không có tài sản, công nợ chung.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L có quan điểm: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị H, bà sẽ thay chị H chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019 trong thời gian chị H không có nhà. Bà tự nguyện không yêu cầu chị H, anh T đóng góp tiền nuôi hai cháu cùng bà.

- Cháu Thảo V và cháu Quỳnh N là con chung của chị H, anh T có quan điểm được ở với mẹ và bà ngoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung, giao con Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Đức T hiện đang sinh sống và làm việc Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh T đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của anh T để bà T1 thông tin lại cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H và bà Nguyễn Thị L vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/01/2016 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã, thi thoảng chị H đưa con về nhà ngoại sinh sống một thời gian. Năm 2019, anh T đi lao động tại Đài Loan, chị H ở nhà chăm sóc con, năm 2021 chị H đi Đài Loan lao động, năm 2022 anh T về nước do bố đẻ anh T mất, đầu năm 2024 anh T tiếp tục sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không sống cùng, vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm. Chị H xác định vợ chồng ly thân thời gian dài, không liên lạc, không còn quan tâm, niềm tin với nhau; tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt

được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019; từ khi anh chị đi lao động tại Đài Loan hai cháu đều sống cùng bà ngoại là bà Nguyễn Thị L.

Chị H có quan điểm giao hai con cho chị nuôi dưỡng, trong thời gian chị đi lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà L thay chị chăm sóc và nuôi dưỡng hai con. Anh T hiện đang lao động tại Đài Loan, thông qua gia đình có quan điểm đồng ý giao hai con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Thực tế, mẹ đẻ của chị H đang trực tiếp nuôi con, bà T1 mẹ anh T xác định gia đình bà và anh T không có điều kiện để trực tiếp nuôi hai cháu; cháu V có quan điểm xin được ở với mẹ. Bà L là mẹ đẻ chị H đồng ý nhận ủy quyền của chị H, thay chị chăm sóc hai con cho đến khi chị H về nước.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019 cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tạm giao con Nguyễn Thảo V, sinh ngày 31.10.2016 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/9/2019 cho bà Nguyễn Thị L thay chị H chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương.

Anh Nguyễn Đức T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000582 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Nguyễn Đức T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến